TOÀ ÁN NHÂN DÂN	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
KHU VỰC 8-CÀ MAU	**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 66/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 12-02-2026
"V/v tranh chấp ly hôn và nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 8-CÀ MAU

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Yến Ngọc
Các Hội thẩm nhân dân:
1/ Ông Nguyễn Thành Nhạn
2/ Bà Cao Thị Mỹ Phượng
Thư ký ghi biên bản phiên tòa phiên tòa: Ông Trần Minh Luân- Thư ký Tòa án

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu Vực 8- Cà Mau tham gia phiên tòa: Ông Châu Hoa Đăng- Kiểm sát viên

Ngày 12 tháng 02 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu Vực 8- Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 441/2025/TLST- HNGĐ ngày 21 tháng 10 năm 2025 về việc "Tranh chấp ly hôn và nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 187/2025/QĐXX - HNGĐ ngày 26 tháng 12 năm 2025, giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn*: Bà Nguyễn Thị Bích T– sinh năm 1991
Địa chỉ: Khóm 11, phường L tỉnh C
* *Bị đơn*: Ông Võ Văn Đ– sinh năm 1987
Địa chỉ: Khóm 11, phường L, tỉnh C
(Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn vắng không lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và lời khai trong hồ sơ của chị Nguyễn Thị Bích T trình bày: Chị và anh Võ Văn Đ chung sống với nhau năm 2009, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Phong Thạnh Đông, thị xã Giá Rai, tỉnh Bạc Liêu nay là phường Láng Tròn, tỉnh Cà Mau. Quá trình chung sống có 02 người con tên Võ Thị Thúy A sinh ngày 11/11/2009 và Võ Thanh N sinh ngày 06/02/2016, hiện nay con đang sống với chị T. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng về quan điểm sống, thường xuyên mâu thuẫn, cự cải, đời sống hôn nhân không còn hạnh phúc, hiện nay chị T không muốn hàn gắn lại hạnh phúc vợ chồng, không còn tình cảm với anh Đ.

- Về quan hệ vợ chồng: Chị Nguyễn Thị Bích T yêu cầu được ly hôn với anh Võ Văn Đ.

- Về quan hệ con chung: yêu cầu được nuôi con chung, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản và nợ chung: Chị T xác định là không có nên không đặt ra yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với anh Võ Văn Đ : Tòa án đã tiến hành tống đạt đầy đủ các văn bản tố tụng cho anh Võ Văn Đ nhưng anh không đến tòa để thể hiện ý kiến của mình, không tham gia phiên họp công khai tiếp cận chứng cứ và hòa giải.

* Tại phiên tòa hôm nay, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 8 -Cà Mau phát biểu ý kiến: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, xác định đúng thẩm quyền, quan hệ pháp luật tranh chấp, đúng thời hạn chuẩn bị xét xử, gửi các văn bản tố tụng cho Viện kiểm sát. Hội đồng xét xử (HĐXX) có đầy đủ thành viên và thư ký phiên tòa, từ khi thụ lý đến khi xét xử, nguyên đơn đã thực hiện đúng quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự, bị đơn không có mặt lần thứ hai nên toà án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự. Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 8 -Cà Mau áp dụng các Điều 56, 81, 82,83 Luật hôn nhân gia đình năm 2014, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị Bích T đối với anh Võ Văn Đ; Giao 02 người con tên Võ Thị Thúy A sinh ngày 11/11/2009 và Võ Thanh N sinh ngày 06/02/2016 cho chị Nguyễn Thị Bích T được trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục; Tạm miễn việc cấp dưỡng nuôi cho anh Võ Văn Đ do chị Nguyễn Thị Bích T không yêu cầu, không đặt ra xem xét về tài sản và nợ chung do đương sự không yêu cầu.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa.

Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Tại phiên tòa hôm nay, chị Nguyễn Thị Bích T có đơn xin xét xử vắng mặt, anh Võ Văn Đ vắng mặt không lý do, Hội đồng xét xử quyết định vẫn tiến hành xét xử vắng mặt chị T và anh Đ theo quy định tại điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Bích T và anh Võ Văn Đ chung sống với nhau năm 2024, trên tinh thần tự nguyện có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Phong Thạnh Đông, thị xã Giá Rai, tỉnh Bạc Liêu nay là phường Láng Tròn, tỉnh Cà Mau, vì vậy theo quy định của pháp luật thì hôn nhân của chị T và anh Đ là hợp pháp. Trong quá trình chung sống, chị T và anh Đ có nhiều bất đồng về quan điểm sống. Nay chị T yêu cầu xin ly hôn với anh Đ vì không còn tình cảm. Hội đồng xét xử (HĐXX) xét thấy tình nghĩa vợ chồng phải dựa trên sự thương yêu, tôn trọng, chăm sóc nhau, cùng nhau chia sẽ công việc trong gia đình nhưng chị T xác định không còn yêu thương anh Đ, cả hai vợ chồng không ai quan tâm, chăm sóc ai. Anh Đ không hợp tác theo giấy triệu tập hoà giải của Toà án, Toà án không tiến hành hoà

giải hôn nhân cho vợ chồng anh chị được là do anh Đ vắng mặt, anh Đ không có thiện chí hàn gắn. HĐXX xét thấy mối quan hệ hôn nhân của chị T và anh Đ thật sự rạn nứt, không thể hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được nên HĐXX căn cứ Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị Bích T và anh Võ Văn Đ.

[3] Về quan hệ con chung: Chị T và anh Đ có 02 người con tên Võ Thị Thúy A sinh ngày 11/11/2009 và Võ Thanh N sinh ngày 06/02/2016, chị T yêu cầu được tiếp tục nuôi con và không yêu cầu cấp dưỡng.

Hội đồng xét xử xét thấy việc giao con cho ai nuôi thì phải xem xét về mọi mặt và quyền lợi của con chưa thành niên. Qua xác minh thì hiện nay các cháu đang sống với chị T, các cháu đều có nguyện vọng được sống với chị T. Anh Đ không hợp tác theo sự triệu tập của toà, không cho toà án ghi lời khai, không thể hiện yêu cầu, anh Võ Văn Đ đã từ bỏ quyền trình bày ý kiến nguyện vọng của mình. Hội đồng xét xử thấy rằng cháu cần sự chăm sóc của người mẹ, đều có nguyện vọng được ở với mẹ nên Hội đồng xét xử quyết định giao 02 người con tên Võ Thị Thúy A sinh ngày 11/11/2009 và Võ Thanh N sinh ngày 06/02/2016 cho chị Nguyễn Thị Bích T tiếp tục nuôi dưỡng, giáo dục; Tạm miễn việc cấp dưỡng nuôi cho anh Đ do chị T không yêu cầu. Trường hợp sau này một bên không có khả năng nuôi con, mà một bên có khả năng về kinh tế để đảm bảo nuôi con thì có quyền làm đơn yêu cầu cấp dưỡng cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

[4] Về quan hệ tài sản chung và nợ: Do đương sự không yêu cầu nên không đặt ra xem xét giải quyết.

[5] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Chị T phải chịu theo quy định của pháp luật.

Hội đồng xét xử xét thấy ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát là phù hợp nên ghi nhận.

Vì các lẽ nêu trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ các Điều 51,56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội .

Tuyên xử:

1/ Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị Bích T đối với anh Võ Văn Đ.

2/ Về quan hệ con chung: Giao 02 người con tên Võ Thị Thúy A sinh ngày 11/11/2009 và Võ Thanh N sinh ngày 06/02/2016 cho chị Nguyễn Thị Bích T tiếp tục nuôi dưỡng, giáo dục; Tạm miễn việc cấp dưỡng nuôi cho anh Võ Văn Đ.

Anh Võ Văn Đ có quyền tới lui thăm nom con chung mà không trực tiếp nuôi, không ai được ngăn cản.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu người không trực tiếp nuôi con thực hiện các nghĩa vụ theo quy định tại Điều 82 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Yêu cầu người không trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình tôn trọng quyền được nuôi con của mình.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3/Về quan hệ tài sản và nợ chung: Không đặt ra xem xét giải quyết.

4/Về án phí hôn nhân và gia đình: Chị Nguyễn Thị Bích T phải nộp 300.000đồng nhưng chị T đã dự nộp 300.000đồng theo biên lai thu số 0002765 ngày 21/10/2025 tại Phòng thi hành án dân sự Khu vực 8- Cà Mau được chuyển thu án phí.

Án xử sơ thẩm công khai, báo cho các đương sự vắng mặt tại phiên tòa biết có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt bản án hợp lệ.

TM- HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
-Tòa án tỉnh
-VKS cùng cấp
-Thi hành án
-Đương sự
-UBND xã, phường nơi đương sự ĐKKH
-Lưu hồ sơ

đã ký

LÊ YẾN NGỌC